

LUẬN XÁ LỢI PHẤT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 15

Phẩm 10: PHẨM ĐẠO PHẨM THUỘC PHẦN PHI VẤN (phần một)

Có người xuất thế, Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã nói các nhân, các môn, các đạo, các hướng đạo. Nay sẽ nhóm hợp các môn của đạo: Có một chi đạo, hai chi đạo, ba chi đạo, bốn chi đạo, năm chi đạo, sáu chi đạo, bảy chi đạo, tám chi đạo, chín chi đạo, mười chi đạo, mười một chi đạo.

Hỏi: Thế nào là một chi đạo?

Đáp: Thân niệm xứ gọi là một chi đạo.

Hỏi: Thế nào là hai chi đạo?

Đáp: Định, tuệ, gọi là hai chi đạo.

Hỏi: Thế nào là ba chi đạo?

Đáp: Định có giác có quán, định không có giác có quán, định không có giác không có quán. Định Không, định, Vô tướng, định Vô nguyện, gọi là ba chi đạo.

Hỏi: Thế nào là bốn chi đạo?

Đáp: Bốn niệm xứ, bốn chánh dứt, bốn thân tức, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, bốn hướng đạo, định bốn tu, bốn dứt, gọi là bốn chi đạo.

Năm chi đạo là gì?

Đáp: Năm căn, năm lực, năm giải thoát nhập, năm cõi xuất, năm quán định, năm pháp sinh giải thoát, gọi là năm chi đạo.

Hỏi: Thế nào là sáu chi đạo?

Đáp: Sáu niệm, sáu hướng, sáu cõi xuất, sáu pháp minh phần, sáu pháp nhân vui thích, sáu chánh giác không có hỷ, gọi là sáu chi đạo.

Hỏi: Thế nào là bảy chi đạo?

Đáp: Bảy giác, bảy tướng, bảy pháp nhân duyên của định, gọi là bảy chi đạo.

Hỏi: Thế nào là tám chi đạo?

Đáp: Tám Thánh đạo, tám giải thoát, tám thắng nhập, gọi là tám chi đạo.

Hỏi: Thế nào là chín chi đạo?

Đáp: Chín diệt, chín định thứ đệ, chín tướng, gọi là chín chi đạo.

Mười chi đạo là gì?

Đáp: Mười tướng, mười pháp ngay thẳng, mười nhất thiết nhập, gọi là mười chi đạo.

Hỏi: Thế nào là mười một chi đạo?

Đáp: Mười một giải thoát nhập, gọi là mười một chi đạo.

Sao nói là thân niệm xứ, một chi hương đạo Niết-bàn?

Đáp: Nghĩa là nghĩ đến thân, dựa vào thân, dùng thân mới quán, gọi là thân niệm xứ, gần gũi niệm này, thường tu học, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là thân niệm xứ, một chi hương đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy thân vô thường, biết vô thường, giải vô thường, thọ vô thường. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận với niệm này, thường tu học được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hương đạo Niết-bàn.

Lại nữa, thân Tỳ-kheo khổ não: ung nhọt, tên độc, bệnh tham vị, dựa vào duyên pháp hư hoại không nhất định, không viên mãn, có thể làm hoại, khổ, không, vô ngã, tư duy về duyên, biết duyên, thọ nhận duyên, tức vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập. Như người thật, niệm nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hương đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy thân diệt, biết diệt, giải diệt, thọ diệt, tức vô minh diệt, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt. Thật sự người niệm nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận với niệm này, thường tu học, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hương đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo đi biết vui đi, đứng biết vui đứng, ngồi biết vui ngồi, nằm biết vui nằm. Như thế, thân trụ vui. Như người thật niệm nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ, thân cận niệm này, thường tu học, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hương đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo đến, đi, co, duỗi, nên hành chánh trí, cầm giữ

y bát, ăn uống đúng pháp, dùng thuốc thang khi bệnh gây ốm, trừ mọi mệt, rất buồn ngủ, và đại tiểu tiện lợi, đi đứng, nằm ngồi, thức dậy, nói pháp, yên lặng, nên hành chánh trí. Như người thật, niệm nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Gần gũi niệm này, thường tu học, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, hơi thở ra dài, biết hơi thở ra dài, hơi thở vào dài, biết hơi thở vào dài, hơi thở ra ngắn, biết hơi thở ra ngắn, hơi thở vào ngắn, biết hơi thở vào ngắn. Như thợ quán dây, học trò của thợ quán dây, sợi dây dài, biết dây dài, dây ngắn, biết ngắn. Như thế, Tỳ-kheo, hơi thở ra dài, biết dài, hơi thở vào dài, biết dài, hơi thở ra ngắn, biết ngắn, hơi thở vào ngắn, biết ngắn. Như người thật niệm nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là thân niệm xứ, một chi hưởng đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, từ đầu đến chân đều là bất tịnh. Trong thân này có móng tay, răng, tóc, lông, da mỏng, da dày, thịt, gân, mạch, lá lách, thận, tim, phổi, chỗ cấu uế đại tiểu tiện, nước mắt, đàm dãi, mủ, máu, mở lá, não, mô, mồ hôi, xương tủy, như người mắt sạch thấy các thứ lúa thóc ở một cửa kho như mà, gạo đậu nhỏ, đậu ti, lúa mì to, nhỏ. Như thế, Tỳ-kheo quán trong thân này, từ đầu đến chân, đều là bất tịnh. Trong thân này, chỉ có móng tay, răng v.v... cho đến tủy xương. Như người thật, niệm nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán bốn đại, thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Như người mổ bò và học trò của ông ta mổ bò làm bốn phần, hoặc ngồi, hoặc đứng, quán sát bốn phần này. Như thế, Tỳ-kheo quán địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại của thân này. Quán các đại ấy, mỗi đại đều trái nhau. Có các đại này dựa vào thức ăn uống của đại bên ngoài, mà nuôi lớn, người ốm, yếu, không bền chắc, niệm niệm mài mòn, tiêu diệt, dừng trụ không lâu. Như người thật niệm nhớ nghĩ lại, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo như thế, quán thân này nhờ ăn mà trụ, nhờ ăn mà nuôi lớn, duyên ăn mà trụ, không có ăn thì không trụ, như lửa dựa vào củi, mà được cháy, không có củi thì sẽ tắt. Như thế, Tỳ-kheo quán

thân này dựa vào ăn để trụ, dựa vào ăn nuôi lớn, nhờ ăn mà tồn tại, không có ăn, không tồn tại, như Đức Thế Tôn nói:

*Quán thân khổ gom nhóm
Tất cả đều duyên ăn
Nếu dứt trừ được ăn
Thì không có các khổ.
Như thế, biết lầm lỗi
Do ăn mà có khổ
Tỳ-kheo diệt ăn rồi
Chắc chắn được Niết-bàn.*

Người có niệm nghĩ nhớ như thế, gọi là Thân niệm xứ. Gần gũi niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đều là không, thấy là không, do niệm giải hành biết khắp, như tre, lau sậy đều là không, thấy là không, như thế Tỳ-kheo quán thân đều là không, thấy là không, do niệm giải hành biết khắp. Như người thật niệm, thường tu học, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân là ung nhọt, trong thân có chín lỗ rỉ ra chất lỏng, chất lỏng rỉ ra đều là chất bất tịnh, là thai, mô mới, là hư hoại, là hôi hám, cấu uế, là chất nước dãi đáng tởm. Mắt tiết ra ghèn, nước mắt, chất nước dãi của mũi, máu, tai rỉ ra chất nước dãi mũi, máu. Cấu nơi tai, mũi, rỉ ra chất lỏng của mũi, mũi, máu. Miệng rỉ ra đàm dãi mũi, máu. Hai chỗ rỉ ra tiện lợi mũi, máu. Như ung nhọt lở loét của con người bị đóng vẩy đã lâu. Như thế, chín lỗ rỉ ra từ chất lỏng của nhọt lở, đều là chất nước dãi bất tịnh, là thai, mô mới, là hư hoại, là cấu uế, hôi hám, là chất nước dãi đáng tởm. Tỳ-kheo quán thân như thế là ung nhọt. Thân này có chín nhập, chín mụn nhọt, chín chất lỏng, chín lậu. Mắt, tai, mũi, miệng, mỗi một chỗ đều luôn bài tiết ra chất nước dãi, đều là chất nước dãi bất tịnh, là thai, mô mới, là hư hoại, là cấu uế, hôi hám, là chất nước dãi đáng tởm. Mắt tiết ra chất ghèn, nước mắt, mũi, máu, tai tiết ra mũi, máu chảy ra chất nước dãi nước mũi, miệng tiết ra chất nước dãi đàm dãi, mũi, máu, hai chỗ bài tiết ra chất nước dãi tiện lợi mũi, máu. Như Ma ha Ca-diếp nói: Thân bốn đại là tổ hợp suy yếu, suy hao, chất nước dãi chống trái nhau, là nơi cư trú của mọi chứng bệnh, chỗ nương tựa của mọi nỗi khổ. Người yêu mến gìn giữ thân, như yêu mến, gìn giữ chết thi, vì thọ mạng ngắn ngủi, gấp rút, như người thật niệm nhớ nghĩ

lại, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, thì được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán nghiệp nhóm hợp của ba căn: nghiệp nhóm hợp của căn tham, nghiệp nhóm hợp của căn giận dữ, nghiệp nhóm hợp của căn si. Nếu thân, miệng, ý tạo nghiệp tham, chung với tham, đầu mối tham, nhóm hợp tham, nhân của tham, duyên của tham, không phải là nghiệp Thánh, là nghiệp hữu lậu, là nghiệp tập không phải diệt nghiệp như, sự giận dữ, ngu si, cũng giống như thế. Nếu tạo thành nghiệp này thì cha mẹ đầy đủ tâm hữu lậu, hưởng đến thọ sinh của ấm dục, chỗ diệt của ấm kia, là thai mẹ sinh thức đầu tiên có sắc, chung với sắc do bốn đại tạo của thức kia, nghĩa là sắc do ý sinh, thọ, tưởng, tư, xúc, gọi là Danh. Danh sắc như thế, sinh chung, khởi chung, danh sắc ấy không từ bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn duy và trên, dưới mà đến, không từ cha mẹ xuất sinh, không từ nghiệp phát ra, cũng không phải phát ra từ chỗ khác, mà là do các duyên hòa hợp: nhân nhóm hợp, nhân nghiệp, nhân cha mẹ sinh ra. Như vào tháng sau mùa xuân, không có mây, mù, sương, vào giờ ngọ, có người cầm hỏa châu, dùng phân bò khô đổ trên đất bụi, thì có lửa phát sinh, có phát ra ánh sáng. Như thế, quán lửa không từ phương Đông, cho đến không từ trong phân bò bốc ra. Như thế, các duyên hòa hợp có lửa sinh ánh sáng phát ra. Tỳ-kheo quán danh sắc như thế, không từ phương Đông, cho đến không từ nghiệp phát ra mà là sinh ra từ các duyên hòa hợp: nhân tập hợp, nhân cha mẹ, bèn có danh sắc. Trong bảy ngày, thai này là mô mới mới, bảy ngày sau giống như mây. Lại bảy ngày, là khối thịt đầu tiên, lại bảy ngày, khối thịt mới cứng, cho đến bốn mươi chín ngày. Chi tiết của thân đầy đủ.

Trời Đế-thích hỏi Đức Thế Tôn: Chư Phật không cho sắc là ngã, làm sao thân có giác? Làm sao trong nước sinh ra xương? Lại làm sao có thể trụ thai? Câu hỏi đã có lời đáp. Đức Thế Tôn vì quyết nghị cho tất cả sự sinh, diệt của hành, Thế Tôn đã biết như thật về sự sinh diệt của tất cả hành. Đế Thích hãy lắng nghe cho kỹ, nay ta sẽ nói: Đầu tiên, có thai mô mới, nhân thai mô mới, nên có dáng như mây, nhân như mây, nên có khối thịt ban đầu, nhân khối thịt ban đầu, bèn có chất cứng mới, nhân chất cứng mới, bèn có chi tiết, các nhập, móng, tóc. Nhờ mẹ ăn uống mà trụ. Đế-thích lại hỏi:

Chúng sinh không biết pháp nào?

Chúng sinh không rõ pháp nào?

*Chúng sinh tham, nhiễm pháp nào?
Chúng sinh ràng buộc pháp nào?*

Đức Thế tôn đáp:

*Chúng sinh không biết pháp sinh
Chúng sinh không rõ pháp diệt
Chúng sinh tham nhiễm pháp thân
Chúng sinh ràng buộc pháp ái
Đế-thích nên nghe thật kỹ.
Biết pháp nhân, thì lìa được
Người tuệ vượt qua dòng chết
Qua rồi, không trở lại.*

Nếu mẹ mang thai, hoặc chín tháng, hoặc mười tháng, thân nặng nề, tự yêu thương gìn giữ. Nếu chín tháng, hoặc mười tháng, yêu thương gìn giữ thân nặng rồi, bèn sinh con. Sinh rồi, mẹ dùng máu để nuôi con (Trong Thánh pháp cho sữa mẹ là máu), sau mới ăn được, ăn được rồi, các căn tăng trưởng, các căn tăng trưởng rồi, các căn đầy đủ. Về sau, suy vi, biến đổi, đốt xương rã rời, da dòn, mặt nhăn, khí lực yếu ớt, răng rụng, tóc bạc, thân thể gầy, ốm, đi đứng phải chống gậy, hơi thở ngày càng yếu, không chịu nổi cơn đau khổ. Thời kỳ tráng kiện đã qua, máu thịt tiêu hao dần, thường chịu các khổ, mạng chết ép ngặt, như Thi-bà-la đã nói:

*Mạng người đi không lại
Ngày, đêm thường suy tổn
Như cá trong nước nóng
Sống khổ, chết ép ngặt.*

Do phương tiện như thế, biết pháp vô thường, hữu vi, duyên sinh, pháp tận, pháp đổi thay, pháp ly tán, pháp diệt. Cái của ta không phải của ta, ngã không phải cái hiện có của ngã. Ngã, ngã sở đều không có ngã. Như thế, người tuệ chánh quán không buông lung, siêng năng nghĩ đến hạnh vắng lặng của chánh huệ, nếu dựa vào dứt vọng tưởng tham, dứt rồi, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở một mình được định. Như người thật, nghĩ nhớ, gọi là Thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy rằng: con người có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý, giả gọi là người. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chẳng phải người. Lìa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng chẳng phải người. Nếu pháp như thế, chánh sinh, chánh thành tựu, chánh xuất, giả gọi là người. Như cái

nhà có cột, kèo, tường vách, giả gọi là nhà, vách tường kèo, cột không phải nhà, lìa cột kèo, tường vách cũng không nhà. Nếu pháp như thế, chánh sinh, chánh thành tựu, chánh xuất, thì giả gọi là nhà. Tỳ-kheo tư duy rằng: “Người có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, giả gọi là người, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, chẳng phải người, lìa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng không có người”. Tỳ-kheo nếu pháp như thế, chánh sinh, chánh thành tựu, chánh xuất, thì giả gọi là người, như Tượng kinh đã nói: Tỳ-kheo duyên gỗ, duyên tre, duyên sợi dây, duyên đất sét, vây quanh hư không, giả gọi là nhà. Tỳ-kheo, như thế, duyên xương, duyên gân, duyên máu, thịt, duyên làn da vây quanh hư không, giả gọi là ngã.

Do phương tiện như thế, biết pháp này vô thường, hữu vi, duyên sinh, pháp tận, pháp đổi thay, pháp ly tán, pháp diệt. Ngã sở không phải là cái có của ngã, và ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở đều không có ngã. Chánh huệ thấy như thế, không buông lung như thế, siêng năng niệm hạnh vắng lặng của chánh trí, dựa vào vọng tưởng tham, mà dứt, dứt rồi nội tâm chánh trú, chánh chỉ, ở riêng một mình tu định. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghĩ rằng: Do có mắt, giả gọi là ngã, không có mắt, cũng không giả gọi là ngã, mắt không phải ngã, lìa mắt, nếu là mắt của ngã, lẽ ra phải có khác, vì mắt không phải ngã, nên mắt không có khác. Nếu không có mắt, cũng không giả gọi là ngã, vì mắt không phải ngã, nên lìa mắt, cũng không phải ngã. Vì thế, nên duyên mắt, giả gọi là ngã, không có mắt, cũng không giả gọi là ngã. Tai, mũi, lưỡi, thân, tâm duyên tâm, giả gọi là ngã, không có tâm, cũng không giả gọi là ngã. Tâm chẳng phải ngã, lìa tâm, chẳng phải tâm của ngã. Nếu là tâm của ngã lẽ ra phải có khác, vì tâm không phải ngã, nên tâm không có khác. Nếu không có tâm, cũng không giả gọi là ngã, do tâm không phải ngã, nên lìa ngoài tâm, cũng không phải ngã. Vì lý do này, nên duyên tâm, giả gọi là ngã, không có tâm, cũng không giả gọi là ngã. Như Đức Thế Tôn nói: “Nếu nói mắt là ngã, thì không phải, vì mắt có sinh, diệt”. Nếu sinh, diệt thì ngã lẽ ra cũng sinh diệt tức có sự thua kém này, thế nên không phải. Nếu nói mắt là ngã, thì việc này không đúng. Tai, mũi, lưỡi, thân, tâm cũng giống như thế.

Với phương tiện như thế, biết pháp này vô thường, hữu vi, duyên sinh, pháp tận, pháp đổi thay, pháp lìa, pháp diệt, ngã sở, không có cái của ngã, ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở đều không có

ngã.

Chánh tuệ kiến như thế, không buông lung như thế, siêng năng niệm hạnh vắng lặng của chánh trí, dựa vào dứt vọng tưởng tham, dứt rồi, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở riêng một mình tu định. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy như thế, nếu thấy sắc là ngã, thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thì kiến thức này sẽ chung với dục, chung với sự giận dữ, ngu si, chung với thủ, với nhãn trụ, chung với khổ, với luống dối, chung với các phiền não, chung với sự nóng bức, cháy nám, không giải thoát, không lìa dục, không diệt, không vắng lặng, không chánh giác, không được quả Sa-môn, không được Niết-bàn. Nếu kiến này thành tựu thì đối với gốc khổ của sinh, già, bệnh, chết, sẽ nhóm tập, hòa hợp. Nếu thấy sắc vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức không có ngã thì kiến này sẽ không chung với sự giận dữ, không chung với ngu si, không chung với thủ, không chung với nhãn trụ, không chung với nỗi khổ, không chung với luống dối, không chung với các phiền não, không chung với sự nóng bức, cháy nám, giải thoát lìa dục, diệt, vắng lặng, chánh giác, được quả Sa-môn, được Niết-bàn. Nếu kiến này thành tựu đối với gốc khổ của sinh, già, bệnh, chết, thì sẽ không nhóm tập hòa hợp, như Đức Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo! Có người thấy như thế duyên có ngã, có ngã sở, duyên có sở hữu của ngã, Ta nói: Có ngã, có ngã sở. Nếu thật, nếu có thì đều không thể được. Các Tỳ-kheo! Điều này không phải là pháp ngu thuần túy. Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Các Tỳ-kheo! Như người ngu chấp có thường, không khác, không khác với vật, pháp không thay đổi, thường định trụ có, phải. Bạch Thế Tôn có. Các Tỳ-kheo! Nếu chấp có thường, không khác, không khác với vật, pháp không đổi thay, thường nên định trụ. Bạch Thế Tôn không. Nếu người ngu chấp có ngã, nếu ngã là thường không khác, không khác với vật, pháp không đổi thay, thường định trụ có, phải. Bạch Thế Tôn có. Các Tỳ-kheo chấp có ngã, nếu phải không khác, không khác với vật, pháp không thay đổi, thì thường phải định trụ. Bạch Thế Tôn không. Các Tỳ-kheo, nếu người ngu y chỉ, nếu dựa vào thường kiến, không khác, không khác với vật, pháp không thay đổi, thường thì nên định trụ. Bạch Thế Tôn có. Các Tỳ-kheo: Nếu y chỉ, nếu dựa vào thường kiến, không khác, không khác với vật, pháp không thay đổi, thường, thì phải định trụ. Bạch Thế Tôn không. Do vậy, Các Tỳ-kheo! Nếu tất cả sắc

quá khứ, hiện tại, vị lai, trong, ngoài, thô, tế, hơn, kém, xa, gần, tất cả sắc như thế, ngã, không phải sở hữu của ngã, ngã sở, không phải cái ngã có, ngã, ngã sở, đều không có ngã, gọi là quán chánh tuệ, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu tạo ra kiến này, niềm vui của ngã, niềm vui của đời, niềm vui của vị lai là thường, không khác, không khác với vật, pháp không thay đổi, thì thường định trụ, chỉ vì ngã sở không phải là cái có của ngã, ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là quán chánh huệ.

Nếu tạo ra kiến này: Ngã dứt diệt, chỉ vì ngã sở không phải là cái có của ngã, ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là quán chánh huệ.

Nếu tạo ra kiến này: Ta có thể thấy, nghe, hay biết, tư duy, phân biệt, chỉ vì ngã sở, không phải ngã có, ngã không phải ngã sở có, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là quán chánh huệ. Nếu bậc Thánh thấy như thế, nghe như thế, có ngã, có ngã sở, thì không hề kinh sợ.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: Sắc không phải ngã. Nếu sắc là ngã, thì sắc lẽ ra không bị khổ, sắc lẽ ra phải được tự tại. Có như thế, không phải có như thế, do sắc không phải ngã, nên sắc bị bệnh khổ, sắc không được tự tại. Có như thế, không phải có như thế. Thọ, tưởng, hành, thức, không phải ngã, ngã không phải thức. Nếu thức là ngã, thì thức lẽ ra không bị bệnh khổ. Thức lẽ ra phải được tự tại. Như thế có, không phải có như thế, do thức không phải ngã, nên thức bị bệnh khổ, thức không được tự tại, vì có như thế, không phải có như thế, nên biết pháp này không thường có, vì duyên sinh, pháp, tận, pháp thay đổi, pháp lia, ngã sở không phải là cái có của ngã, ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh huệ quán không buông lung như thế, siêng năng niệm hạnh vắng lặng của chánh trí dựa vào dứt vọng tưởng tham, dứt rồi, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, định ở chỗ một mình. Như người thật niệm, nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy các thứ khổ của thế gian như thế. Nỗi khổ này do đâu, đầu mối nào, tập nào, sinh nào, tôn thượng nào? Như thế, tư duy mỗi thứ ấm khổ của thế gian như thế, nhân đầu mối ấm, tập ấm sinh ấm, tôn thượng ấm, duyên ấm. Có nỗi khổ mất cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân thuộc. Có nỗi khổ của sự suy vi, hao mòn, các bệnh khổ. Có các cảm xúc không vừa ý, hoặc sự xúc chạm của nắm tay, xúc

chạm roi, gậy, xúc chạm ngói, đá, xúc chạm dao, gậy gộc, xúc chạm lạnh nóng, xúc chạm sự đói khát, xúc chạm nắng, gió, sự xúc chạm muỗi mòng, có khổ bị quốc vương, đại thần trói buộc, gông cùm, cắt đứt thịt, xương, rã ra như vỏ ốc, cưỡi trên dao, gỗ bén nhọn, dùng đá đập vào ống chân, dùng năm chiếc xe nghiền nát, dùng dây trói buộc, dùng lửa đốt thân, thân bị lửa cháy nám, dùng dao chuốt gọt thân, lấy móc sắt móc thịt, lột da, thoa mật vào cho sâu trùng cắn ăn, bỏ lửa trong bao cỏ đốt, dùng quạt gió thổi vào thân cho tan nát, dùng dây sắt ràng buộc thân, chặt tay, chân, tai, mũi, chặt đầu đặt lên mình, dùng tên bắn giết, sau cùng chém chết, có những nỗi khổ như thế. Như Đức Thế Tôn nói:

*Không lửa nào như dục
Không độc nào bằng giận
Không lưới nào bằng si
Không khổ nào bằng ám
Biết thật như thế rồi
Vui Niết-bàn bậc nhất.*

Cho nên, phải biết, pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, là pháp tận, pháp biến đổi, pháp ly tán, pháp diệt. ngã sở không phải là cái có của ngã, ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở, đều không có ngã, gọi là chánh huệ quán, không buông lung như thế, siêng năng nghĩ đến hạnh vắng lặng của chánh trí, dựa vào dứt bỏ vọng tưởng tham, dứt rồi, tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở chỗ riêng một mình tu định. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghĩ rằng: Thân ta có nhiều khổ, nhiều lỗi nhiều phiền não, nhiều sâu bi, các khổ. Quán thân sinh chánh sinh, khởi chánh khởi, xuất chánh xuất, tạo thành đầy đủ sinh các thứ bệnh. Như do nóng sinh bệnh, do ẩm sinh bệnh, do gió sinh bệnh, do sức của mình sinh bệnh, do phiền não của người khác sinh bệnh, do thời tiết đổi thay sinh bệnh, do các đại chống trái nhau sinh bệnh, do ăn không tiêu hóa sinh bệnh, do nghiệp báo sinh bệnh, do tập sinh bệnh, bệnh mắt, bệnh tai, mũi, lưỡi, thân, nhức đầu, nhức vai, nhức răng, đau cổ họng, cần cổ, đau óc, đau cơ bắp, hô hấp khí nghịch, yết hầu bế tắc, ho hen, ói mửa, đau kiết lỵ, bệnh đần nhiệt, đau bụng, nhọt, ghẻ ngứa, ghẻ lở, như sâu bọ, nhọt lở, ung nhọt, lác, bệnh điên cuồng, bệnh trĩ, bệnh thủng sưng đỏ. Các chứng bệnh ngoài da, thường xuyên bị các giống muỗi mòng, rận

rệp cắn hút, rúc rĩa. Bên trong, thậm chí ở chỗ một sợi lông, đều có vi trùng cắn rứt, như Đức Thế Tôn đã nói: “Sắc sinh, trụ, xuất sinh bệnh, ở khổ sinh ra già chết. Như thọ, tưởng, hành, thức sinh trụ xuất sinh bệnh, ở khổ phát ra già chết”.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Ba khổ: khổ hành, khổ khổ, khổ biến”. Thế nên phải biết, pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, pháp tận, pháp biến đổi, pháp ly tán, pháp diệt, ngã sở không phải là cái có của ngã, ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh huệ quán không buông lung như thế, siêng năng niệm hạnh vắng lặng của chánh trí, dựa vào dứt vọng tưởng tham, dứt rồi, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở riêng một mình tu định. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Nhân nào, trụ nào”? Chẳng phải nhân nào, không phải trụ nào? Nghĩ như thế này: Nhân xương ống chân trụ xương bắp đùi, nhân xương bắp đùi trụ xương bắp vế, nhân xương bắp vế trụ xương hông, nhân xương hông trụ xương sống, nhân xương sống trụ xương sườn, nhân xương tay trụ xương cánh tay, nhân xương cánh tay trụ xương vai, nhân xương vai trụ xương cần cổ, nhân xương cần cổ trụ xương đầu, nhân tủy trụ xương, nhân xương trụ gân, nhân gân trụ thịt, nhân thịt trụ máu, nhân máu trụ da, nhân da trụ da mỏng, nhân da mỏng trụ lông. Như nhân không mà trụ gió, nhân gió trụ nước, nhân nước trụ đất, nhân đất trụ các tác nghiệp và nhân đó có hạt giống, có ruộng vườn, có cỏ thuốc, có rừng rậm, có chúng sinh, có làng xóm. Tỳ-kheo tư duy như thế, nhân xương ống chân trụ xương bắp đùi, nhân xương đùi v.v... cho đến xương đầu. Nhân tủy trụ xương, nhân xương... cho đến trụ lông. Nếu không có xương ống chân thì xương đùi sẽ không trụ, không có xương đùi thì xương bắp vế sẽ không trụ, không có xương bắp vế thì xương hông sẽ không trụ, không có xương hông thì xương sống sẽ không trụ, không có xương sống thì xương sườn sẽ không trụ, không có xương tay thì xương cánh tay không trụ, không có xương cánh tay thì xương vai sẽ không trụ, không có xương vai thì xương cần cổ sẽ không trụ, không có xương cần cổ thì xương đầu sẽ không trụ. Không có xương thì tủy không trụ, không có xương thì gân không trụ, không có gân thì thịt không trụ, không có thịt thì máu không trụ, không có máu thì da không trụ, không có da thì da mỏng sẽ không trụ, không có da mỏng thì lông không trụ. Nếu không có hư không thì gió không trụ. Nếu

không có gió thì nước sẽ không trụ. Nếu không có nước thì đất sẽ không trụ. Như không có đất thì các tác nghiệp và hạt giống, ruộng vườn, cỏ thuốc, rừng rậm, chúng sinh, từng lâm đều không trụ.

Tỳ-kheo nghĩ như vậy: “Nếu không có xương ống chân, thì xương đùi sẽ không trụ. Không có xương đùi, cho đến xương đầu không trụ. Không có tuỷ, xương không trụ, không có xương, cho đến lông không trụ. Do xương đựng tuỷ, gân ràng buộc xương, thịt che chở gân, máu tô thoa thịt, máu trong da, da mỏng, mô, da dày, lông dựa vào da mỏng”. Như Đức Thế Tôn nói: Nếu pháp sinh diệt, thì nhân hành trụ hành. Thế nên phải biết, pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, pháp tận pháp đổi thay, pháp lia, pháp diệt. Ngã sở không phải là cái có của ngã, ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở đều không có ngã, đó gọi là chánh huệ quán. Không buông lung như thế, siêng năng nghĩ đến hạnh vắng lặng của chánh trí, dựa vào dứt vọng tưởng tham, dứt rồi, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở riêng một mình tu định. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghĩ như thế này: Nhân nào? Giả nào? Chẳng phải nhân nào? Không phải giả nào? Nghĩ như thế, nhân thân có thân nghiệp giả, không có thân, thì sẽ không có thân nghiệp giả. Nhân miệng có miệng nghiệp giả, không có miệng thì sẽ không có miệng nghiệp giả. Nhân ý có ý nghiệp giả, không có ý sẽ không có ý nghiệp giả. Nếu nghiệp tạo tác của thân, nếu nghiệp nói của miệng, nghiệp xúc chạm của thân, thân giáo đến, đi, co duỗi, xoay trở, nhóm họp miệng giáo tập hợp âm thanh, lời nói, nói năng, nếu nhân tác nghiệp của ý, không có ý thì không có tác nghiệp. Ví như người thợ khéo léo và học trò ông ta chuyên, khắc người bằng gỗ, có máy điều khiển động tác có thể đi, lại, ngồi, nằm. Như thế, nếu thân tác nghiệp, nếu nghiệp nói của miệng, nghiệp xúc chạm của thân là thân giáo đến, đi, co, duỗi, xoay trở, nhóm họp miệng giáo tập hợp âm thanh, lời nói, nếu nhân tác nghiệp của ý, không có ý thì sẽ không có tác nghiệp, như Đức Thế Tôn nói:

*Tâm là gốc pháp
Tâm tôn, tâm khiến
Niệm ác trong tâm
Nói sao làm vậy
Tội, khổ tự theo
Xe lăn nơi vết*

*Tâm là gốc pháp
Tâm tôn, tâm khiến
Niệm thiện trong tâm
Nói sao làm vậy.
Phước vui tự theo
Như bóng, theo hình.*

Thế nên phải biết, pháp này là vô thường, hữu vi, duyên sinh, pháp tận, pháp đổi thay, pháp ly tán, pháp diệt. Ngã sở không phải là cái có của ngã, ngã không phải sở hữu của ngã, ngã, ngã sở, đều không có ngã, đó gọi là chánh huệ quán. Không buông lung như thế, siêng năng niệm hạnh vắng lặng của chánh trí, dựa vào dứt vọng tưởng tham, dứt rồi, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ ở riêng một mình tu định. Như người thật niệm, nghĩ nhớ lại, gọi là Thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo suy nghĩ như thế, nếu hành sau cùng, chưa biết mà diệt, nếu hành vô gián đã diệt rồi, thì thức sẽ tiếp nối với đạo khác sinh, hành kia duyên thức kia, gọi là duyên vô gián. Nếu nhân hành, thức nọ nối tiếp nhau với đạo khác sinh. Hành kia duyên thức kia, gọi là nhân duyên. Nếu tư duy hành, thức nối tiếp với đạo khác sinh, hành kia, duyên thức kia, gọi là duyên duyên. Nếu dựa vào hành, thức nối tiếp với đạo khác sinh, thì hành kia sẽ duyên thức kia, được gọi là y duyên. Nếu hành, thức của báo, nối tiếp với đạo khác sinh, thì hành kia duyên thức kia, gọi là báo duyên. Nếu hành khởi thức, nối tiếp với đạo khác sinh, thì hành kia sẽ duyên thức kia, gọi là duyên khởi. Nếu hành thức tương ứng nối tiếp với đạo khác sinh thì hành nọ duyên thức nọ, gọi duyên khác. Nếu tăng thượng hưởng đến tăng thượng của thức kia, nối tiếp với đạo khác sinh, thì hành kia duyên thức kia, gọi là duyên tăng thượng. Đây là thức sau cùng diệt, thức đầu tiên tiếp nối với đạo khác sinh. Thức sau cùng đã diệt rồi, thức ban đầu liền sinh, không có trung gian, như bóng di chuyển theo mặt trời, mặt trời nối tiếp di chuyển bóng. Bóng nối tiếp với mặt trời, không có trung gian. Như thế, thức sau cùng này diệt, thức đầu tiên nối tiếp với đạo khác sinh, thức sau diệt rồi, liền sinh thức đầu tiên, không có khoảng giữa. Như thức sau cùng này, nếu pháp tương ứng của thức sau cùng không đến thức đầu tiên, nếu thức đầu tiên, pháp tương ứng của thức đầu tiên không đến thức sau, như nhãn thức diệt rồi, sinh nhĩ thức, nhĩ thức diệt rồi, sinh nhãn thức, pháp tương ứng của nhãn thức không đến nhĩ thức, pháp tương ứng của

nhĩ thức không đến nhãn thức.

Thức sau như thế, pháp tương ứng của thức sau không đến thức đầu tiên, thức đầu tiên, pháp tương ứng của thức đầu tiên không đến thức sau. Nếu thức sau diệt rồi, liền sinh thức đầu tiên, nghĩa là thời điểm này đi qua, tức đây diệt, kia sinh, nghĩa là sau cùng ở đây là mới ở kia. Không phải mạng là thân, không phải thân là mạng, không phải mạng khác với thân, không phải thân khác với mạng, không phải mạng chẳng phải dứt, không phải sinh, không phải trụ, không phải có đổi thay, chẳng phải không có nhân, chẳng phải do trời tạo ra, không phải ở đây tạo ra, ở đây thọ lãnh, chẳng phải cái khác tạo ra, cái khác cảm thọ. Biết có quá khứ, vị lai, biết có sinh, chết, biết có nghiệp nối nhau, biết có nói pháp, biết có duyên, không có từ chỗ này đến chỗ kia, nghĩa là không có từ nơi kia đến nơi này, nghĩa là chỉ hành nối tiếp nhau sinh, vì do nghiệp duyên, như Đức Thế Tôn đã nói: Ngã sở là không, ngã đối với ngã sở, không nên nghi ngờ ở ngã, ngã sở. Không nên nói đối với tất cả pháp, không nên ngờ vực. Thế nên phải biết, pháp này vô thường, hữu vi, duyên sinh, pháp tận, pháp đổi thay, pháp diệt, pháp ly tán. Ngã sở không phải là cái có của ngã, ngã không phải là sở hữu của ngã, ngã, ngã sở đều không có ngã. Đó gọi là chánh huệ quán, không buông lung như thế, siêng năng nghĩ đến hạnh vắng lặng của chánh trí, dựa vào sự dứt vọng tưởng tham, dứt rồi, nội tâm chánh trụ, chánh chỉ, ở riêng một mình tu định. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo thấy trẻ nhỏ tâm ngu si không hiểu biết, nằm ngủ ở chỗ dơ bẩn, bèn nghĩ: ta cũng như thế, pháp có tướng như thế, chưa lìa pháp này, thân ta cũng là pháp có sinh, có lỗi của sinh. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thấy người nam, người nữ tuổi già, suy nhược, răng long tóc bạc, da mặt nhăn nheo, thân thể gầy còm tiều tụy, bước đi yếu ớt phải chống gậy, hơi thở không điều hòa, bèn nghĩ: Thân ta cũng như thế, pháp có tướng, chưa lìa pháp này, thân ta cũng là pháp có già, có lỗi của già. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu thấy người nam, người nữ, thân bị khổ bệnh, nằm ngủ ở chỗ bẩn thỉu, yếu đuối không có sức, đi đứng phải nhờ người giúp đỡ, bèn nghĩ rằng: Thân ta cũng như thế, pháp có tướng như thế, chưa lìa pháp ấy, thân ta cũng bị bệnh, có lỗi của bệnh. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo thấy lỗi lầm khi thân hoại của người nam, người nữ, hoặc là thân thuộc, hoặc không phải thân thuộc, đem bỏ chết thi, như cỏ, phân, đất, bèn nghĩ rằng: Thân ta cũng thấy pháp có tướng như thế, chưa lìa pháp này, thân ta cũng là pháp hư hoại, có lỗi của cái chết. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo trông thấy chết thi bị vứt bỏ trong gò mả một ngày đến ba ngày, quán thân mình pháp như thế, tướng như thế, chưa lìa pháp ấy. Như người thật niệm, nhớ niệm, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến quả Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo thấy chết thi vứt bỏ trong gò mả một ngày đến ba ngày, đã sinh tướng lên, xanh bầm tím, quán thân mình cũng thế, pháp có tướng như thế, chưa lìa pháp này. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo thấy chết thi bị vứt bỏ trong gò mả, một ngày đến ba ngày, hoặc bị chim, quạ, cọp, sói, ngậm ấy các thú cắn xé nuốt ăn, quán thân mình cũng thế, pháp có tướng như thế, chưa lìa pháp này. Như người thật niệm, nghĩ nhớ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy từng đốt xương của chết thi liền nhau, xanh, đỏ, rữa nát, dính đầy máu mủ bất tịnh, hôi thúi, như bản đáng gớm, quán thân mình cũng như vậy, tướng của pháp như vậy, chưa lìa pháp này. Như người thật nhớ, nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo thấy các đốt xương của chết thi liền nhau, được

máu, thịt che chở, gân, mạch chưa đứt, quán thân mình cũng thế, pháp có tướng như thế, chưa lìa pháp này. Như người thật niệm, nhớ niệm, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy các đốt xương của chết thi nối liền nhau, máu thịt đã lìa, gân mạch chưa đứt, quán thân mình cũng thế, pháp có tướng như thế, chưa lìa pháp này. Như người thật niệm, nhớ niệm, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo thấy đốt xương của chết thi đã tan rã, chưa rời chỗ cũ, quán thân mình pháp như thế, tướng như thế, chưa lìa pháp này. Như người thật niệm, nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo thấy các đốt xương của tử thi đã tan rã, xa lìa chỗ cũ, ống chân, bắp vế, bắp đùi, xương sống, hông, xương sườn, tay, chân, vai, cánh tay, cần cổ, đầu lâu đều ở chỗ khác, quán thân mình cũng thế, pháp có tướng như thế, chưa lìa pháp này. Như người thật niệm, nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo thấy xương cốt chết thi vì lâu ngày nên có màu trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, mục, rữa, hoại nát. Quán thân mình pháp như thế, tướng như thế, chưa lìa pháp này. Như thực sự người có niệm, nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Thân cận niệm này, thường tu học đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nhìn thấy chết thi trên đồng lửa, tất cả tóc, lông, da, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, tất cả lông tóc, cho đến xương, tủy dần dần tiêu tan hết. Quán, thân này không đến phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn duy trên, dưới trụ. Thân này vốn là pháp không có mà sinh, có rồi lại diệt. Như người thật niệm, nhớ nghĩ, gọi là thân niệm xứ. Gần gũi niệm này, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là một chi thân niệm xứ hưởng đến đạo Niết-bàn.

Sao nói là thân niệm?

Đáp: Thân phát khởi sinh, gọi là thân niệm. Tư duy về thân sinh,

gọi là thân niệm. Cảnh giới của thân sinh, gọi là thân niệm. Dựa vào thân sinh, gọi là thân niệm. Thân phân biệt sinh, gọi là thân niệm xứ.

Sao nói là hai chi định, huệ, hướng đến đạo Niết-bàn?

Đáp: Sao nói là định? Tâm trụ, chánh trụ, gọi là định. Sao nói là huệ? Trí phân biệt, gọi là huệ. Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Thân cận định huệ này, thường tu học rồi sẽ được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ, hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu tất cả pháp hữu vi, hoặc pháp hữu vi của một xứ, thì tư duy vô thường, biết vô thường, giải vô thường, thọ vô thường. Quán không buông lung như thế, sẽ được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là định. Như người thật, nếu trí phân biệt, gọi là huệ. Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Gần gũi định huệ, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ, hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu tất cả pháp hữu vi, hoặc pháp hữu vi của một chỗ, tư duy về bệnh khổ: ứng nhọt, mũi tên, chấp mắc, dựa duyên pháp hư hoại, bất định, không đầy đủ, biến diệt, có thể hoại, khổ, không, vô ngã, tư duy ở duyên, biết duyên, giải duyên, thọ duyên, tức vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già chết, ưu, bi, khổ não, nhóm họp thuần khổ. Quán không buông lung như thế, được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là định. Như người thật, hoặc do trí phân biệt, gọi là huệ. Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Thân cận định, huệ, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu tất cả pháp hữu vi, pháp hữu vi của một chỗ, tư duy diệt: Biết diệt, giải diệt, thọ diệt, tức vô minh diệt, vô minh diệt thì hành diệt, cho đến nhóm họp thuần khổ diệt. Quán không buông lung như thế, sẽ được định, tâm trụ, chánh trụ gọi là định. Người như thật, nếu dùng trí phân biệt thì gọi là huệ. Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Thân cận định, huệ, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ, hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, đi biết vui đi, đứng biết vui đứng, ngồi biết vui ngồi, nằm biết vui nằm. Như niềm vui đi đứng, ngồi, nằm của thân, biết như thật, quán không buông lung được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là

định, Như người thật, nếu dùng trí phân biệt thì gọi là huệ. Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Thân cận định huệ, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ, hướng đến đạo Niết-bàn. Cho đến nhìn thấy chết thi ở trên đồng lửa, cũng nói như trên.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghĩ rằng: trong ta có dục nhiễm, biết như thật bên trong có dục nhiễm. Nếu bên trong không có dục nhiễm, biết như thật bên trong không có dục nhiễm. Nếu dục nhiễm chưa sinh, biết như thật chưa sinh, nếu dục nhiễm đã sinh, biết như thật đã sinh, nếu dục nhiễm sinh rồi dứt, nếu thật biết dứt, nếu dục nhiễm dứt rồi, nếu thật biết không sinh lại, bên trong có giận dữ, thù miên, trạo cử, hối, nghi cũng như thế. Quán không buông lung như vậy, được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là định. Như người thật, nếu dùng trí phân biệt, gọi là huệ. Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Thân cận định huệ ấy, thường tu học được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ, hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghĩ rằng: Nhãn thức trong ta, sắc có dục nhiễm, giận dữ, biết như thật nhãn thức nội sắc có dục nhiễm giận dữ, sắc của nhãn thức nội không có dục nhiễm, giận dữ, biết như thật sắc của nhãn thức nội không có dục nhiễm, giận dữ. Như sắc của nhãn thức chưa sinh, dục nhiễm, giận dữ biết như thật chưa sinh. Như sắc của nhãn thức chưa sinh, dục nhiễm, giận dữ đã sinh, biết như thật đã sinh. Như sinh sắc của nhãn thức, dục nhiễm giận dữ đã dứt, biết như thật đã dứt. Như sắc của nhãn thức, dục nhiễm, giận dữ đã dứt rồi, như thật biết không còn sinh nữa, nhĩ thức, thanh, tỷ thức, hương, thiệt thức, vị, thân thức, xúc, ý thức, pháp cũng như thế. Quán không buông lung được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là định. Như người thật, nếu dùng trí phân biệt, gọi là huệ. Định như thế, huệ như thế, gọi là định, huệ. Thân cận định huệ, thường tu học, được quả Tu-đà-Hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ, hướng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghĩ rằng: trong ta có niệm chánh giác, biết như thật bên trong có niệm chánh giác, bên trong không có niệm chánh giác, biết như thật bên trong không có niệm chánh giác. Như niệm chánh giác chưa sinh, biết như thật là chưa sinh. Nếu niệm chánh giác chưa sinh đã sinh, biết như thật là đã sinh. Nếu niệm chánh giác đã sinh, tu đầy đủ, như thật biết đã tu đầy đủ. Trạch pháp chánh giác, tinh tiến chánh giác, trừ chánh giác, định chánh giác, xả chánh giác cũng như thế.

Quán không buông lung như thế, được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi

là định. Như người thật, nếu dùng trí phân biệt thì gọi là huệ.

Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Thân cận định huệ, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ, hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết như thật về khổ, tập khổ, diệt khổ, đạo diệt khổ, biết như thật về lậu, tập lậu, diệt lậu, đạo diệt lậu.

Quán không buông lung như thế, được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là định. Như người thật, nếu dùng trí phân biệt thì gọi là huệ.

Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Thân cận định, huệ, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định huệ, hưởng đến đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo vì tâm sợ sệt, nên ra khỏi tất cả hữu vi, nhập cõi cam lộ. Trạng thái vắng lặng vượt hơn này, lìa tất cả hữu vi, ái tận, Niết-bàn. Quán không buông lung như thế, được định, tâm trụ, chánh trụ, gọi là định. Như người thật, nếu dùng trí phân biệt, gọi là huệ. Định như thế, huệ như thế, gọi là định huệ. Thân cận định huệ, thường tu học, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, gọi là hai chi định, huệ, hưởng đến đạo Niết-bàn.

Sao nói là định?

Đáp: Người chưa dứt phiền não, dục nhiễm dứt, chánh dứt, vắng lặng. Như mùa thu, nổi lên nhiều bụi, đất, mây, sương mù, tức thì mưa rơi, tiêu diệt đất bụi mây, sương mù, diệt chính, vắng lặng.

Định như thế, như người chưa dứt phiền não, dục nhiễm đã dứt, chánh diệt, vắng lặng. Cái giận dữ, ngu si chướng ngại, che lấp, hành ác của các phước đã diệt, chánh diệt, vắng lặng, gọi là Định.

Sao nói là huệ?

Đáp: Như người thật, nếu dùng trí phân biệt sắc, phân biệt sắc như thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Như người mắt sáng, đứng trên đỉnh núi cao, nếu nhắm xem phương Đông, phân biệt như thật. Nếu nhắm xem hướng Nam, Tây, Bắc, phân biệt như thật. Huệ như thế, phân biệt sắc như thật, thọ, tưởng, hành, thức, gọi là huệ.

Hỏi: Thế nào là định có giác, có quán?

Đáp: Nếu định giác quán tương ưng với giác quán, cùng sinh, cùng trụ, cùng diệt, gọi là định có giác, có quán.

Lại nữa, định có giác, có quán, nếu giác quán của định được chánh đắc, duyên đắc, gọi là định có giác, có quán. Tỳ-kheo đã lìa pháp dục ác bất thiện, có giác, có quán, ly sinh hỷ lạc, thành tựu hạnh Sơ thiền. Tỳ-kheo có giác, có quán, hỷ lạc nhất tâm. Nếu người nhập định này,

thì sẽ được năm chi: chánh đắc, duyên đắc, giác quán, hỷ lạc, nhất tâm, gọi là định có giác, có quán của Sơ thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu được định có giác, có quán, có hỷ chung với vị định, thì Tỳ-kheo quán hỷ thô, tâm có bi, không có sự vắng lặng vượt hơn của hỷ lạc. Tỳ-kheo quán hỷ thô rồi, hỷ vắng lặng, chánh vắng lặng; diệt, mất, trừ. Sự vắng lặng của hỷ, chánh vắng lặng diệt, mất, trừ rồi, có giác, quán, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, giác quán, không có hỷ lạc nhất tâm, gọi là không phải thiền, không phải trong thiền có giác là định, có quán. Như Tỳ-kheo, nếu thực hành, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc đắc có giác, có quán, cỏ hỷ chung với vị định. Như hạnh Tỳ-kheo, thọ giáo, pháp tướng, phương tiện, chuyên tâm, tư duy, Thân cận xúc, thường tu học. Như hạnh Tỳ-kheo, cho đến gần gũi xúc, thường tu học rồi, tâm hưởng vắng lặng, tâm hưởng vắng lặng rồi, đạt sự vắng lặng tôn thượng, đạt vắng lặng tôn thượng, nghiêng hưởng về vắng lặng, nghiêng hưởng về nơi vắng lặng rồi, sự vắng lặng của hỷ, sự vắng lặng, chánh vắng lặng, của hỷ là chánh vắng lặng diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ rồi, có giác, quán không có hỷ lạc, nhất tâm.

Nếu nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, giác quán, không có hỷ lạc, nhất tâm, gọi là không phải thiền, không phải định có giác, có quán trong thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu được có giác có quán, không có hỷ lạc chung với vị định, thì Tỳ-kheo này quán không có hỷ lạc thô, tâm tạo ra sự vắng lặng vượt hơn của bất khổ bất lạc xả. Tỳ-kheo này quán không có hỷ lạc thô rồi, không có hỷ lạc vắng lặng, vắng lặng, chánh là vắng lặng, chánh vắng lặng diệt, mất, trừ. Vì diệt, mất, trừ rồi, nên có giác, có quán, bất khổ bất lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, giác quán, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm, gọi là không phải thiền, không phải định có giác, có quán trong thiền.

Như Tỳ-kheo, nếu hạnh, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc đắc có giác, có quán, không có hỷ lạc chung với vị định.

Như hạnh Tỳ-kheo, cho đến gần gũi xúc, thường tu học rồi, tâm hưởng đến sự vắng lặng, tâm hưởng đến sự vắng lặng, đạt vắng lặng tôn thượng. Sự vắng lặng tôn thượng, nghiêng hưởng về vắng lặng của chánh vắng lặng diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ rồi, có giác, có quán bất khổ bất lạc xả, nhất tâm.

Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, giác quán, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm, gọi là không phải thiền, không phải định có giác, có quán trong thiền.

Hỏi: Thế nào là định không có giác, có quán?

Đáp: Nếu định là giác, tương ứng với quán, không chung với giác sinh, không chung với trụ, không chung với diệt, quán chung với sinh, chung với trụ, chung với diệt, gọi là định không có giác, có quán.

Lại nữa, định không có giác, có quán, nếu định không được giác, không chánh đắc, không duyên đắc. Quán đắc, chánh đắc, duyên đắc, gọi là định không có giác, có quán.

Lại nữa, định không có giác, có quán, nếu Tỳ-kheo được có giác, có quán, có hỷ chung với vị định, Tỳ-kheo này quán giác thô, định không có giác, có quán, sự vắng lặng vượt hơn. Tỳ-kheo này được giác quán thô rồi, đạt giác vắng lặng, giác vắng lặng, chính là vắng lặng, diệt mất, trừ. Diệt mất, trừ rồi, nên có quán hỷ lạc nhất tâm.

Nếu người nhập định này, sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, quán hỷ lạc, nhất tâm, gọi là định không có giác, có quán của trong thiền. Như Tỳ-kheo, hoặc hạnh, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, dụng ý, hoặc tư duy, hoặc xúc đắc có giác, có quán sẽ có hỷ chung với vị định. Hạnh của Tỳ-kheo này, cho đến Thân cận xúc, thường tu học. Như hạnh của Tỳ-kheo, cho đến Thân cận xúc, thường tu học rồi, tâm hướng đến sự vắng lặng, vắng lặng tôn thượng, nghiêng hướng về vắng lặng, tâm hướng đến sự vắng lặng tôn thượng, có nghiêng hướng nơi vắng lặng rồi, giác vắng lặng, chánh vắng lặng, diệt mất, trừ. Giác vắng lặng, chánh vắng lặng, diệt mất, trừ rồi, nên hỷ lạc có quán nhất tâm.

Nếu người nhập định này, thì sẽ được bốn chi: chánh đắc, duyên đắc, quán hỷ lạc, nhất tâm, gọi là định không có giác, có quán của trong thiền.

Sao nói là thiền gian?

Đáp: Là khoảng giữa Sơ thiền, Nhị thiền, thời gian từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền.

Lại nữa, Tỳ-kheo được không có giác, có quán, có hỷ chung với vị định. Tỳ-kheo quán hỷ thô, tâm hỷ cũng có bi không có hỷ, vui vắng lặng vượt hơn. Tỳ-kheo quán hỷ thô rồi, hỷ vắng lặng, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ. Hỷ vắng lặng, chánh vắng lặng, diệt, mất, trừ rồi, nên có quán, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, thì sẽ được ba chi: chánh đắc, duyên đắc, quán không có hỷ lạc, nhất tâm, gọi là

định không có giác, có quán trong không phải thiền gian không phải thiền. Như Tỳ-kheo, nếu hành, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc huyền tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc đặc không có giác, có quán, có hỷ chung với vị định. Như Tỳ-kheo hạnh cho đến xúc thân cận, thường tu học, gần gũi, thường tu học rồi, tâm hướng đến sự vắng lặng, tâm hướng đến sự vắng lặng rồi, đạt vắng lặng tôn thượng, sự vắng lặng tôn thượng, nghiêng hướng về vắng lặng, nghiêng hướng về vắng lặng rồi, hỷ vắng lặng diệt, mất, trừ rồi, nên có quán, không có hỷ lạc, nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được ba chi: chánh đặc, duyên đặc, quán không có hỷ lạc, nhất tâm, gọi là định không có giác, có quán trong không phải thiền, không phải thiền gian.

Lại nữa, Tỳ-kheo được không có giác, có quán, không có hỷ chung với vị định. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô, không có tâm hỷ lạc, cũng còn tạo ra sự vắng lặng bất khổ bất lạc xả. Tỳ-kheo quán không có hỷ lạc thô rồi, không có hỷ lạc vắng lặng, vắng lặng chánh vắng lặng, chánh vắng lặng diệt, mất, trừ. Vì diệt, mất, trừ rồi, nên có quán nhất tâm, bất khổ bất lạc xả.

Nếu người nhập định này, thì sẽ được hai chi: chánh đặc, duyên đặc, bất khổ bất lạc xả, nhất tâm, gọi là định không có giác, có quán của không phải thiền, không phải thiền gian. Như Tỳ-kheo, nếu hành, hoặc thọ giáo, hoặc pháp tướng, hoặc phương tiện, hoặc chuyên tâm, hoặc tư duy, hoặc xúc, được không có giác, có quán, không có hỷ lạc chung với vị định. Như Tỳ-kheo, từ hành cho đến xúc gần gũi, thường tu học, hành cho đến Thân cận xúc, thường tu học rồi, tâm hướng đến sự vắng lặng, vắng lặng tôn thượng, nghiêng hướng về vắng lặng rồi, không có hỷ lạc yên tĩnh, sự vắng lặng thích đáng diệt mất, trừ, vì diệt mất, trừ rồi, nên có quán bất khổ bất lạc xả nhất tâm. Nếu người nhập định này, sẽ được ba chi: chánh đặc, duyên đặc, quán bất khổ bất lạc xả nhất tâm, gọi là định không có giác, có quán của không phải thiền, không phải thiền gian, gọi là định không có giác, có quán.

Sao nói là định không có giác, không có quán?

Đáp: Nếu định là giác, quán, giác quán không chung sinh, không chung trụ, không chung diệt, gọi là định không có giác, không có quán.

Lại nữa, định không có giác, không có quán, nếu định đối với giác quán, không được, không chánh đặc, không duyên đặc, gọi là định không có giác, không có quán.

